

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG PLUS24

MỤC LỤC

1.	Menu các tính năng trên bảng giá	1
2.	Theo dõi trạng thái thị trường tại mọi màn hình trên bảng giá	2
3.	Tạo danh mục các mã cổ phiếu quan tâm	3
4.	Các tiện ích của bảng giá cơ sở	4
5.	Lọc cổ phiếu theo quan điểm đầu tư	5
6.	Theo dõi tổng quan thị trường tại phần “Market Watch”	7
7.	Tín hiệu khuyến nghị MBS	8
8.	Xem thông tin chi tiết mã cổ phiếu	9
9.	Bảng giá và chi tiết mã hợp đồng phái sinh.....	11
10.	Bảng giá và chi tiết mã chứng quyền.....	11
11.	Giao dịch	12
12.	Phân tích danh mục.....	15

1

GIỚI THIỆU CHUNG

Plus24 là dịch vụ bảng giá thông minh do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) cung cấp. Với việc tích hợp theo dõi thông tin bảng giá, thông tin phân tích nâng cao và giao dịch chứng khoán trên cùng một trang web, chỉ cần có kết nối internet, Quý Khách hàng có thể theo dõi thông tin thị trường và đặt lệnh giao dịch chứng khoán mọi lúc, mọi nơi mà không cần phải đến sàn giao dịch của MBS.

2

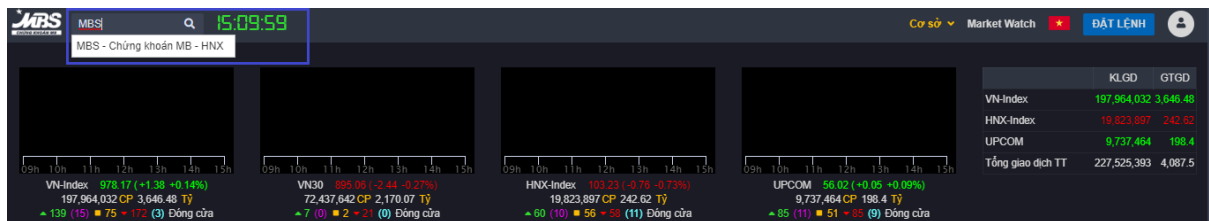
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Menu các tính năng trên bảng giá

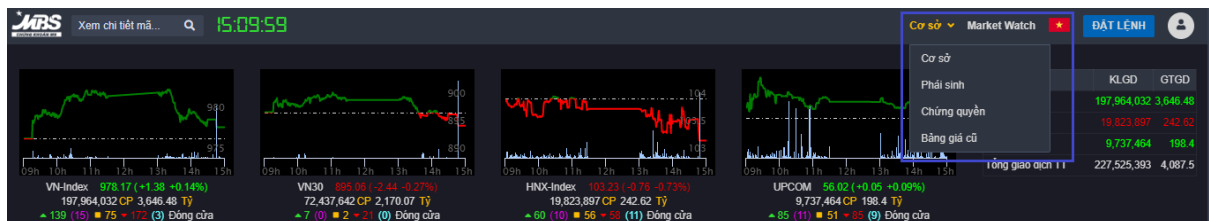


Trên thanh menu, Quý Khách hàng có thể nhanh chóng lựa chọn loại thông tin muốn theo dõi hoặc thao tác muốn thực hiện. Cụ thể như sau:

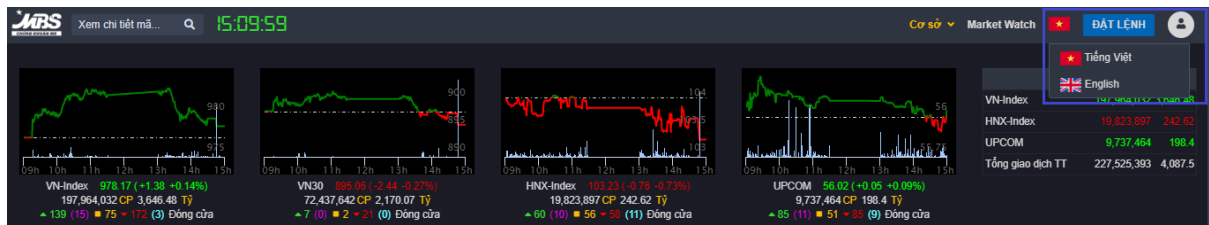
- Xem chi tiết các mã cổ phiếu: Nhập mã chứng khoán cần xem tại ô tìm kiếm dưới đây



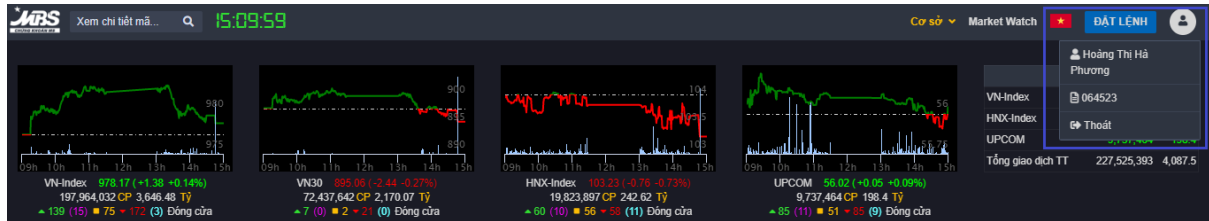
- Lựa chọn xem bảng giá theo các thị trường: Cơ sở, Phái sinh, Chứng quyền



- Lựa chọn ngôn ngữ:



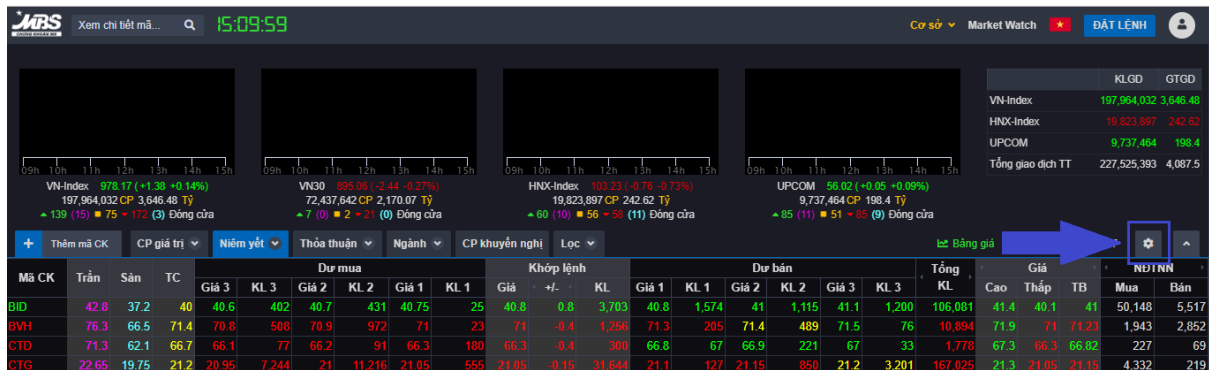
- Kiểm tra trạng thái đăng nhập:



2. Theo dõi đồ thị chỉ số và thống kê thị trường

Tính năng này hỗ trợ Quý Khách hàng lựa chọn tùy biến loại chỉ số muốn theo dõi, qua đó nắm bắt nhanh chóng biến động của thị trường. Phần đồ thị chỉ số này sẽ hiển thị ở tất cả các màn hình trên bảng giá. Để lựa chọn, Quý Khách hàng thực hiện các thao tác sau:

- Chọn biểu tượng thiết lập như ảnh dưới đây:



- Chọn các chỉ số muốn xem và lưu lại

✕

Lựa chọn chỉ số

HOSE
☒ VNI
☒ VN30
☐ VNMID
☐ VNSML

HNX
☒ HNX

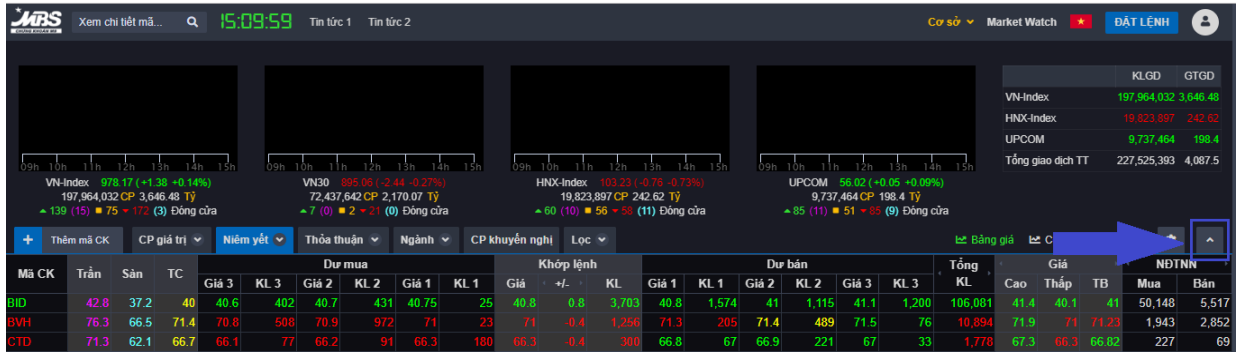
UPCOM
☒ UPCOM

THIẾT LẬP MẶC ĐỊNH

LƯU

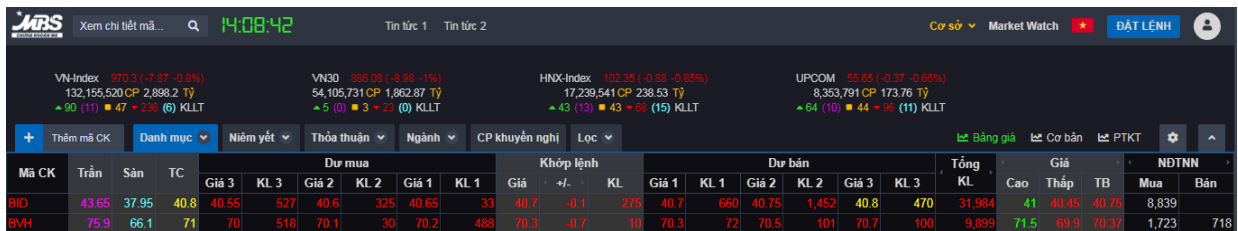
ĐÓNG

- Thu gọn lại phần đồ thị khi cần ưu tiên xem dữ liệu bên dưới: Ấn vào biểu tượng mũi tên như hình dưới đây:



Market Watch interface showing various market indices and a table of stock prices. The interface includes tabs for 'Bảng giá' (Price Table), 'Cơ bản' (Basic), and 'PTKT' (Technical Analysis). The 'Bảng giá' tab is selected, displaying a table with columns for stock codes, prices, and volumes. A blue arrow points to the 'Bảng giá' tab.

- Màn hình sau khi thu gọn đồ thị như hình dưới đây:



Market Watch interface with the chart area minimized. The 'Bảng giá' (Price Table) tab is selected, displaying a table with columns for stock codes, prices, and volumes.

- Màn hình sau khi thu gọn đồ thị và thông tin chỉ số như hình dưới đây



Market Watch interface with the chart area and index information minimized. The 'Bảng giá' (Price Table) tab is selected, displaying a table with columns for stock codes, prices, and volumes.

3. Tạo danh mục các mã cổ phiếu quan tâm

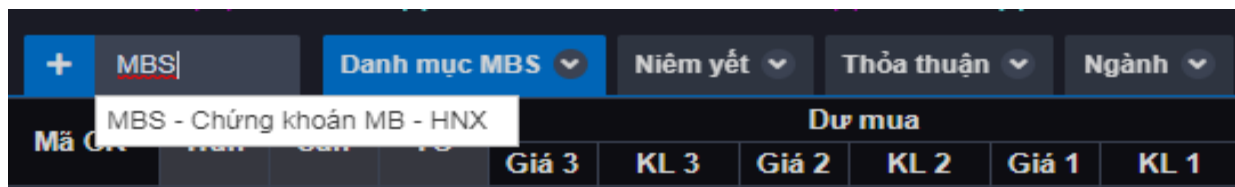
Với tính năng này, thay vì phải theo dõi danh sách các mã chứng khoán theo từng thị trường, nhóm chỉ số, Quý Khách hàng có thể dễ dàng tạo cho mình danh mục các mã cổ phiếu/phái sinh/chứng quyền trong diện quan tâm. Để tạo danh mục cũng như điều chỉnh danh sách các mã trong danh mục, Quý Khách hàng thực hiện các thao tác sau:

- B1: Thêm danh mục: Click chuột vào Menu Danh mục trên Bảng giá cơ sở, chọn Thêm danh mục



Dialog box for adding a new portfolio. It includes a search bar, a list of stock codes, and a table for selecting stocks to add to the portfolio. The 'Thêm danh mục' (Add Portfolio) button is highlighted.

- B2: Đặt tên cho Danh mục muốn thêm và click biểu tượng 
- B3: Thêm mã chứng khoán vào danh mục



- B4: Nhấp chuột và kéo thả để sắp xếp các mã chứng khoán trong danh mục
- B5: Xóa mã chứng khoán khỏi danh mục

Mã CK	Trần	Sản	TC	Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Tổng KL	Giá Cao	Giá Thấp	TB	NDTNN	Mua	Bán
HPG	24.2	21.1	22.65	22.5	20,567	22.55	10,230	22.6	1,631	22.6	-0.05	21,789	22.65	3,316	22.7	22,100	22.75	19,814	352,496	22.8	22.55	22.66	173,153	14,257
VNM	131.6	114.4	123	121.9	616	122	4,261	122.1	1,632	122.1	-0.9	6,605	122.5	400	122.7	55	122.8	689	36,692	123.7	122.1	122.66	7,626	5,532
MBI	24.2	21.1	22.65	22.45	25,952	22.5	20,714	22.55	20,070	22.6	-0.05	18,100	22.6	10,494	22.65	14,311	22.7	15,423	109,006	22.8	22.45	22.57		
MWG	121.4	105.6	113.5	113	6,837	113.1	617	113.2	197	113.2	-0.3	1,536	113.3	1	113.4	1,801	113.5	868	25,515	114.2	112.9	113.53		
VCB	90.6	78.8	84.7	86.1	91	86.2	60	86.3	1,526	86.3	1.6	3,111	86.5	742	86.6	1,403	86.7	52	48,436	87	85.3	86.32	28,064	8,098

Danh mục sau khi được tạo sẽ được lưu lại theo Tài khoản của Quý Khách hàng để tiếp tục theo dõi cho các lần đăng nhập sau.

4. Các tiện ích của Bảng giá cơ sở

Bảng giá cơ sở được phát triển với rất nhiều tính năng ưu việt, tùy biến theo mối quan tâm của Quý Khách hàng. Tại bảng giá cơ sở, khách hàng có thể:

- Xem nhanh chỉ số cơ bản, biểu đồ phân tích kỹ thuật của các mã cổ phiếu trên bảng giá:

Bảng giá Cơ bảnPTKT											
Dư bán						Tổng KL	Giá			NĐTNN	
Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3		Cao	Thấp	TB	Mua	Bán

- Xem theo nhóm các chỉ số:

Niêm yết	Thỏa thuận
HOSE	
ETF	
HNX	
UPCOM	
VN30	
VNDIAMOND	
VNFINLEAD	
VNFINSELECT	
VNMID	
VNSML	
ALL	

- Xem bảng giá thỏa thuận theo các sàn:

Thỏa thuận

Ngành

GDTT HOSE

GDTT HNX

GDTT UPCOM

- Xem bảng giá theo ngành

Ngành	CP khuyến nghị	Lọc
Bán lẻ	Bảo hiểm	
Bất động sản	Công nghệ Thông tin	
Dầu khí	Dịch vụ Tài chính	
Điện	Du lịch và Giải trí	
Dược phẩm	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	
Hàng cá nhân & Gia dụng	Hóa chất	
Ngân hàng	Nước & Khí đốt	
Ô tô và phụ tùng	Tài nguyên Cơ bản	
Thiết bị và Dịch vụ Y tế	Thực phẩm và đồ uống	
Truyền thông	Viễn thông	
Xây dựng và Vật liệu		

- Xem danh mục CP khuyến nghị của MBS

CP khuyến nghị											Lọc		⚙️ ▾	
Thêm mã CK	Danh mục	Niêm yết	Thỏa thuận	Ngành	CP khuyến nghị	Lọc								
Ngày khuyến nghị	Phương pháp	Loại khuyến nghị	Sản	Mã CK	Gia khuyến nghị	Gia hiện tại	% so với gia khuyến nghị	Gia kỳ vọng	% so với gia hiện tại	Thông tin liên quan				
19/12/2019	Kỹ thuật	Đầu	UPCOM	QNS	35	29.8	-14.86%	27	-9.4%	  				

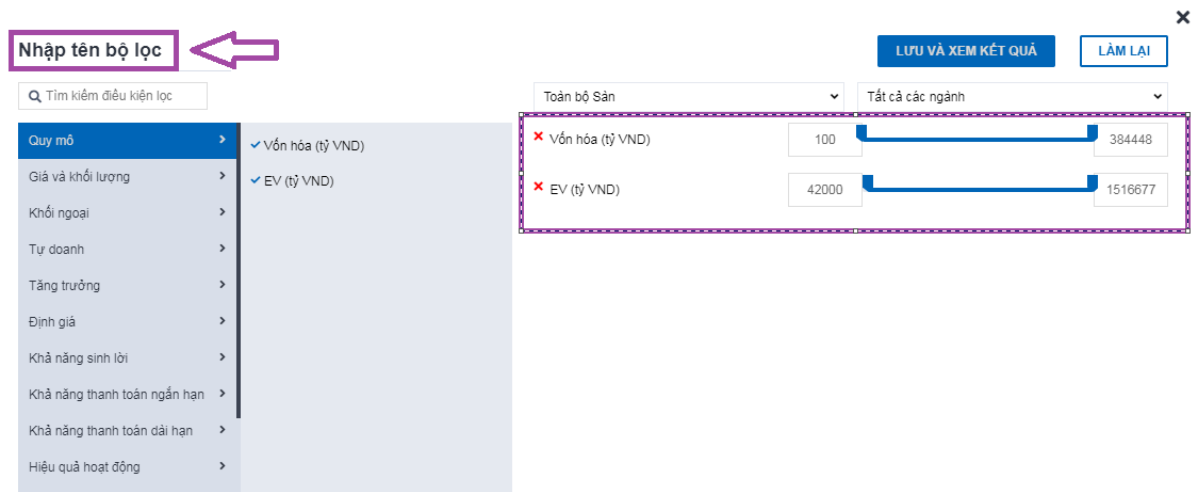
5. Lọc cổ phiếu theo quan điểm đầu tư

Lọc cổ phiếu là tính năng vô cùng mạnh mẽ và ưu việt của bảng giá MBS. Với tính năng này, ngoài việc có thể tham khảo bộ lọc khuyến nghị từ MBS, Quý Khách hàng có thể tự đưa quan điểm đầu tư của bản thân vào. Với hơn 130 tiêu chí lọc, được phân loại cụ thể, kết hợp cả các tiêu chí về giá khối lượng, chỉ số cơ bản và kỹ thuật, Quý Khách hàng sẽ có vô cùng nhiều lựa chọn trong việc thể hiện ý tưởng của bản thân. Để thực hiện việc lọc cổ phiếu, Quý Khách hàng thực hiện các thao tác sau:

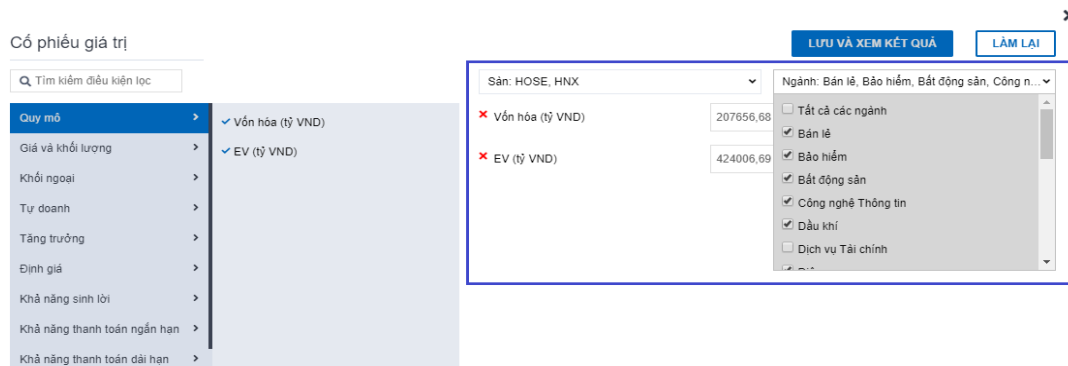
- Tạo bộ lọc:

Thêm mã CK		CP giá trị		Niêm yết		Thỏa thuận		Ngành		CP khuyến nghị		Lọc		Bảng giá Cơ bản PTKT										
Mã CK	Trần	Sàn	TC	Dự mua					Khởi	CP giá trị		Dự bán				Tổng	Giá				NBNN			
				Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1		KL 1	Giá	CP tăng trưởng	Giá 2	KL 2	Giá 3		KL 3	Cao	Thấp	TB	Mua	Bán		
BID	42.8	37.2	40	40.6	40.2	40.7	431	40.75	25	40.8	CP giá trị	41	1.115	41.1	1.200	106.081	41.0	40.1	41	51.23	5.517			
BVH	76.3	66.5	71.4	70.8	508	70.9	912	71	180	66.3	CP tăng trưởng	71.4	489	71.5	76	10.894	71.9	71	71.23	1,943	2.852			
CTD	71.3	62.1	66.7	66.1	77	66.2	91	66.3	180	66.3		66.9	21	67	33	1.778	67.3	66.3	66.82	227	69			
CTG	22.65	19.75	21.2	20.95	7,244	21	11,216	21.05	555	21.05	-0.15	31,644	21.1	127	21.15	850	21.2	3,201	167,025	21.3	21.05	21.15	4,332	219
DFM	13.65	11.95	12.8	12.9	965	13	1,688	13.05	3,439	13.05	0.25	23	13.1	261	13.15	945	13.2	1,124	21,340	13.2	12.8	13.12	2,006	1,609
EPH	18.45	16.15	17.25	16.85	50.1	16.9	426	16.95	111	17	0.25	426	17	84	17.1	10	17.15	220	2,397	17.25	16.9	17.1		

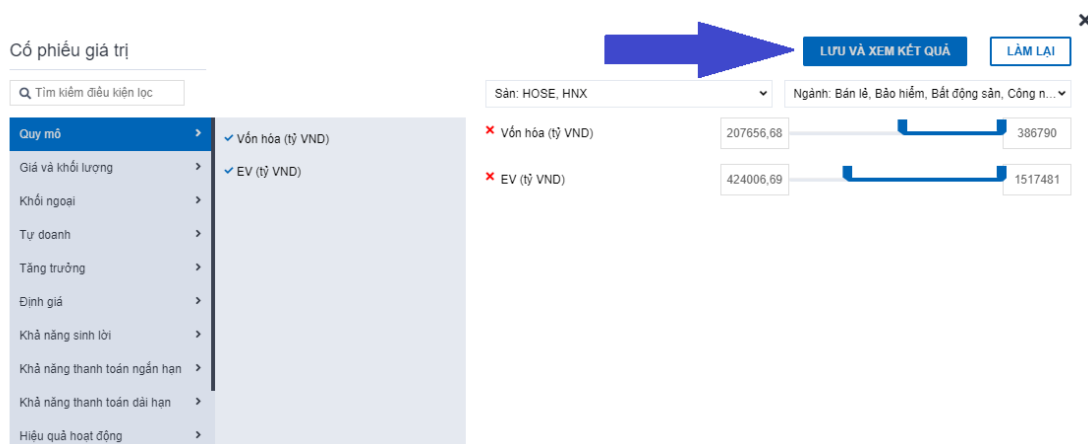
- Nhập tên bộ lọc, lựa chọn tiêu chí và điều kiện lọc:



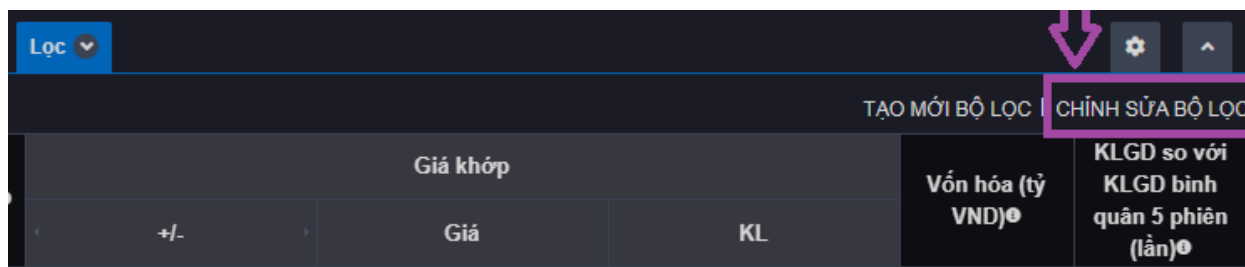
- Chọn lọc theo sản hoặc theo ngành:



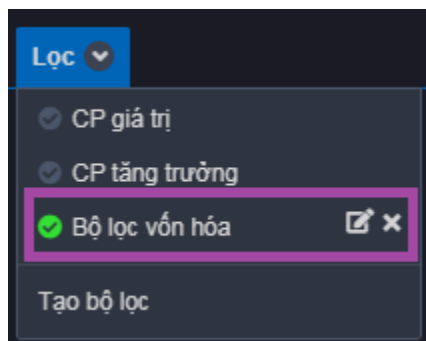
- Lưu và xem kết quả:



- Chỉnh sửa bộ lọc: Click vào bộ lọc đã tạo và cần chỉnh sửa, chọn “Chỉnh sửa bộ lọc” như hình dưới đây:



- Sửa tên bộ lọc: Chọn bộ lọc cần sửa và click biểu tượng 



- Xóa bộ lọc: Chọn bộ lọc cần sửa và click biểu tượng , hệ thống thông báo "Xóa bộ lọc thành công".

6. Tổng quan thị trường - Market Watch

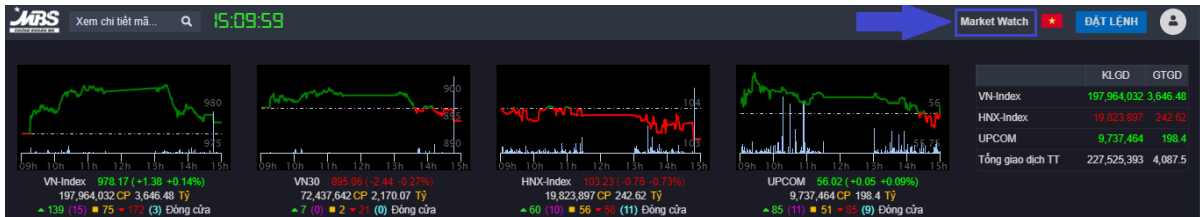
Market Watch là tính năng vô cùng mạnh mẽ của Bảng giá MBS. Thay vào việc chỉ nắm bắt được thông tin tăng/giảm điểm của thị trường, với công cụ này, Quý Khách hàng sẽ nắm bắt được thêm nhiều thông tin đằng sau sự tăng/giảm điểm đó:

- TOP các mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sự tăng/giảm điểm của Chỉ số.
- Thanh khoản thị trường so với quá khứ.
- Độ rộng thị trường: đo ảnh hưởng của mã cổ phiếu đối với chỉ số thông qua sự đột biến khối lượng, tỷ trọng vốn hóa và mức độ ảnh hưởng lên chỉ số.
- Tỷ trọng vốn hóa các mã cổ phiếu trên sàn.
- Giá trị và khối lượng giao dịch của các mã cổ phiếu.

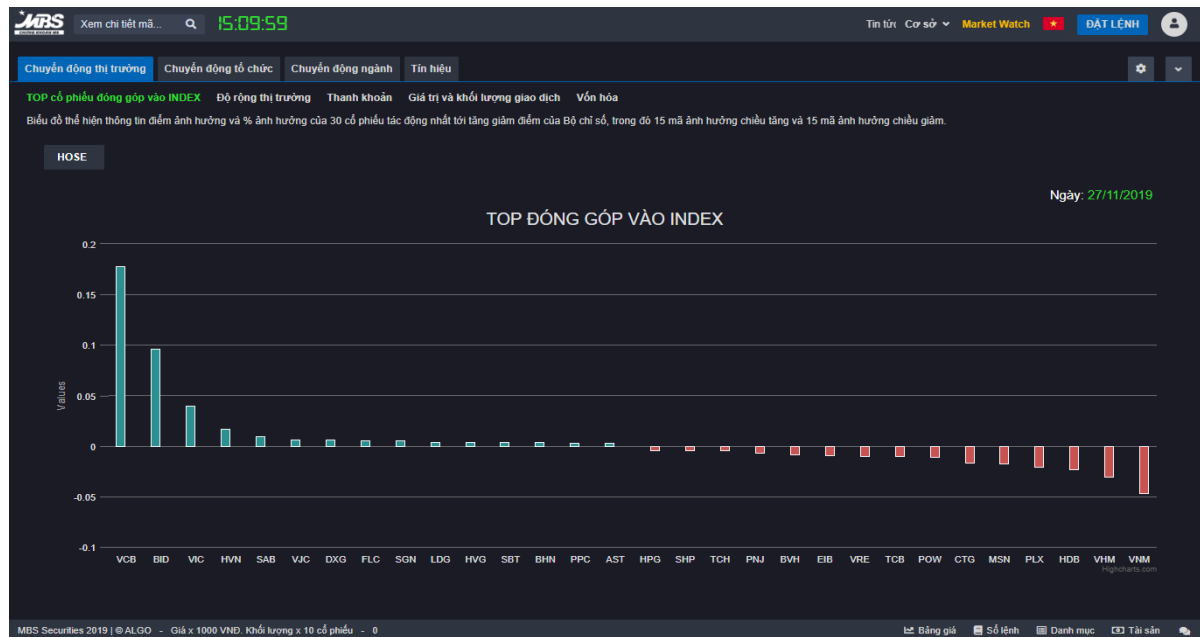
Ngoài ra, tính năng này cũng phân tích thị trường trên khía cạnh ngành và thống kê xem các nhóm tay chơi lớn (khối ngoại và tự doanh) đang mua bán các mã cổ phiếu/ngành như thế nào.

Để theo dõi tính năng "Market Watch", Quý Khách hàng thực hiện các thao tác sau:

Chọn "Market Watch" trên thanh menu để truy cập



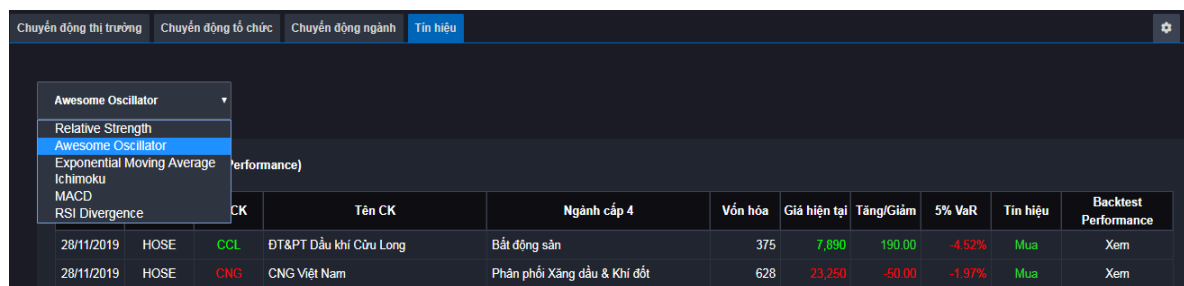
Chọn các tab để theo dõi thông tin



7. Tín hiệu khuyến nghị MBS

Bên cạnh việc đưa ra tư vấn cho khách hàng thông qua tính năng “CP khuyến nghị” và bộ lọc, MBS còn cung cấp tính năng “Tín hiệu” để khuyến nghị khách hàng thông qua các chỉ báo kỹ thuật. Các tín hiệu này được khuyến nghị real-time ngay trong phiên với 2 lần quét dữ liệu vào lúc 11h35 và 15h05 hàng ngày, hỗ trợ Quý Khách hàng trong việc giao dịch. Ngoài ra, các tín hiệu đều có thống kê backtest hiệu quả trong quá khứ, giúp khách hàng có thể cân nhắc khi sử dụng. Để theo dõi các tín hiệu cũng như backtest, Quý Khách hàng thực hiện các thao tác sau:

- Chọn loại tín hiệu để theo dõi:



- Default của các bộ tín hiệu:

- ✓ Relative Strength: Chọn ra TOP 20% các cổ phiếu trên 2 sàn HOSE và HNX có mức tăng giá vượt trội so với VNIndex trong 1 tháng, đồng thời đo lường sức mạnh của cổ phiếu so với Vnindex trong khoảng thời gian 3 tháng và 1 năm. Chỉ số VAR 5% cho biết có 5% xác suất giá cổ phiếu giảm nhiều hơn giá trị hiện thị trong một ngày.
 - ✓ Awesome Oscillator: Áp dụng setting (5,26).Mua khi AO vượt lên trên 0 và bán khi AO giảm xuống dưới 0.
 - ✓ Exponential Moving Average: default seting 20 ngày. Mua khi giá vượt lên EMA20, bán khi giá cắt xuống EMA20.
 - ✓ Ichimoku: Áp dụng settings (9,26). Tín hiệu mua khi đường Conversion LineKijun Sen) . Bán khi đường Conversion Line cắt xuống Baseline.
 - ✓ MACD: áp dụng setting (12,26,9). Mua khi đường MACD cắt lên đường signal (9 EMA của MACD) và Bán khi MACD cắt xuống đường Signal.
 - ✓ RSI divergence: áp dụng bộ setting 14 ngày. Mua khi đường RSI tạo phân kỳ dương với đường giá và Bán khi RSI trên 70.
- Xem hiệu quả đầu tư của tín hiệu bằng cách nhấp chuột vào tên tín hiệu (hiệu quả đầu tư cho toàn thị trường) và chữ “Xem” tại từng dòng (hiệu quả đầu tư cho mã cổ phiếu).



Ngày	Sàn	Mã CK	Tên CK	Ngành cấp 4	Vốn hóa	Giá hiện tại	RS1M	RS3M	RS1Y	Tín hiệu
27/11/2019	HOSE	AAM	Thủy sản Mekong	Nuôi trồng Nông & Hải sản	125	12,000	06.77	-0.14	17.32	Mua
27/11/2019	HOSE	ADS	Dệt sợi DAMSAN	Hàng May mặc	291	11,400	16.14	-0.63	-09.81	Mua
27/11/2019	HOSE	AGF	Thủy sản An Giang	Nuôi trồng Nông & Hải sản	98	3,480	07.11	-0.74	-31.58	Mua
27/11/2019	HNX	ALT	Văn hóa Tân Bình	Containers & Đóng gói	68	11,900	16.58	-24.72	-09.07	Mua
27/11/2019	HOSE	AMD	FLC AMD	Bất động sản	289	1,770	11.31	09.78	-47.64	Mua
27/11/2019	HNX	AMV	Dược-TB Y tế Việt Mỹ	Công nghệ sinh học	854	22,500	27.35	31.39	-13.52	Mua

8. Chi tiết mã cổ phiếu

Bên cạnh các thông tin về giá và khối lượng trên bảng giá cơ sở, Bảng giá Plus24 cung cấp cho Quý Khách hàng bộ hồ sơ gồm đầy đủ các thông tin liên quan đến mã cổ phiếu. Thông tin này vô cùng hữu ích trong việc nghiên cứu, phân tích, từ đó hỗ trợ Quý Khách hàng đưa ra quyết định đầu tư đối với mã cổ phiếu đang quan tâm.

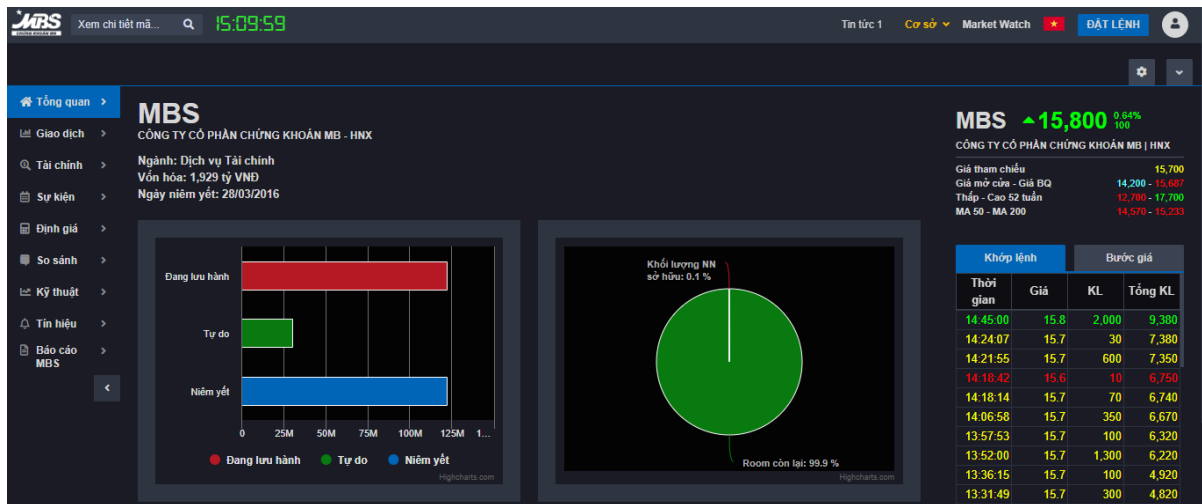
Các thông tin được cung cấp trong phần chi tiết mã cổ phiếu bao gồm:

- Tổng quan: bao gồm các thông tin cơ bản về công ty như ngành, vốn hóa, số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu nước ngoài cũng như cơ cấu sở hữu.
- Giao dịch: thống kê giao dịch trong ngày và lịch sử giao dịch của công ty.
- Tài chính: thống kê các chỉ số tài chính về công ty theo các quan điểm đầu tư khác nhau như đầu tư tăng trưởng, giá trị, chất lượng, quán tính. Phương pháp phân tích Dupont cũng như

các thông tin quan trọng khác về báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và cổ tức cũng được đưa vào.

- Sự kiện: tổng hợp các sự kiện của công ty cũng như giao dịch cổ đông lớn và nội bộ.
- Định giá: tính nhanh PE Forward của công ty dựa trên ước tính về tăng trưởng lợi nhuận ròng và báo cáo kết quả kinh doanh.
- So sánh: hỗ trợ so sánh với các công ty cùng ngành theo các chỉ tiêu cơ bản và kỹ thuật.
- Kỹ thuật: xem nhanh đồ thị phân tích kỹ thuật về công ty.
- Tín hiệu: tổng hợp nhanh tín hiệu khuyến nghị về công ty từ bộ tín hiệu ở phần “Chuyển động thị trường”
- Khuyến nghị: các báo cáo phân tích của MBS về công ty.
- Báo cáo xếp hạng: báo cáo được MBS xây dựng cung cấp thông tin xếp hạng công ty.

Quý Khách hàng vui lòng lựa chọn thông tin trên cột Menu để xem nội dung. Cột menu này có thể được đóng lại nếu muốn.



Cụ thể phương pháp tính EPS và P/E:

- EPS:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ}}{\text{Số CP lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

Số CP lưu hành bình quân trong kỳ là bình quân gia quyền số cổ phiếu lưu hành theo trọng số thời gian, trừ trường hợp chia tách cổ phiếu/ chia cổ tức bằng cổ phiếu.

- P/E:

$$\frac{P}{E} = \frac{\text{Vốn hóa thị trường}}{\text{Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ}}$$

9. Bảng giá và chi tiết Hợp đồng phái sinh

Bảng giá phái sinh cung cấp các thông tin quan trọng về mã hợp đồng phái sinh mà khách hàng sẽ cần cho việc giao dịch như ngày đáo hạn, độ lệch, OI.

Ngoài ra, Bảng giá MBS hỗ trợ phân tích chuyên sâu về mã hợp đồng phái sinh thông qua việc thống kê giao dịch trong ngày, lịch sử giao dịch, phân tích độ lệch, ảnh hưởng VN30 và phân tích kỹ thuật. Khách hàng chỉ việc nhấp chuột vào dòng mã hợp đồng để xem các thông tin kể trên.



10. Bảng giá và chi tiết Chứng quyền

Bảng giá chứng quyền cung cấp đầy đủ các thông tin quan trọng về mã chứng quyền như ngày giao dịch cuối cùng, tổ chức phát hành, độ lệch, tỷ lệ chuyển đổi, điểm hòa vốn.

Ngoài ra, Bảng giá MBS hỗ trợ phân tích chuyên sâu về mã chứng quyền thông qua việc thống kê giao dịch trong ngày, lịch sử giao dịch, phân tích kỹ thuật. Đặc biệt, MBS là bảng giá duy nhất trên thị trường tính toán các thông số về định giá chứng quyền thông qua mô hình Black Scholes Model. Khách hàng chỉ việc nhấp chuột vào dòng mã hợp đồng để xem các thông tin kể trên.

Lưu ý: Chúng tôi sử dụng dữ liệu đầu vào là 1 năm cho biến động lịch sử và mức lãi suất risk free rate là 6% khi tính toán Black Scholes Model (BSM). Do các nhà phát hành chứng quyền khác nhau có các mức đầu vào khác nhau khi định giá Chứng quyền nên có thể sẽ phát sinh các sai lệch so với mô hình định giá Black Scholes của chúng tôi.

JPBS

Xem chi tiết mã...

15:09:59

Chứng quyền

Market Watch

ĐẶT LỆNH

Mã CQ	GDCC	Trần	Sàn	TC	Đur mua						Khớp lệnh			Đur bán						Tổng KL	Giá		Cơ sở		TH	Độ lệch	TL CD	ĐHV
					Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	+/-	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3		Cao	Thấp	Mã CK	Giá				
CDPM1901	07/01/20	1.82	0.12	0.97	0.87	62	0.88	30	0.91	12,345	0.92	-0.05	80	0.93	9,876	1.29	230	1.3	10	24,315	0.98	0.85	DPM	13.05	13.99	-0.94	1:1	14.91

GIAO DỊCH TRONG NGÀY

ĐỊNH GIÁ CHỨNG QUYỀN

LỊCH SỬ GIAO DỊCH

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Giá thực hiện

13.988

Giá CK cơ sở

13.050

Trạng thái

OTM

Điểm hòa vốn

14.908

Giá IPO

Khối lượng phát hành

1,500,000

Giá thị trường

920

Định giá (BSM Model)

196

Độ lệch chuẩn

27.99%

Độ lệch chuẩn hàm ý

71.38%

Đòn bẩy lý thuyết

14.18

Đòn bẩy thực tế

3.84

Delta

0.27061

Gamma

0.00027

Vega

14.65368

Theta

-5.43043

Rho

3.83849

Tổ chức phát hành:

KJS

Kiểm chứng mua:

Chứng quyền mua

Loại chứng quyền:

Châu Âu

Ngày đáo hạn:

09/01/2020

Ngày giao dịch cuối cùng:

07/01/2020

Thời gian đáo hạn:

42

Tỷ lệ chuyển đổi:

1:1

Giá thực hiện:

13.988

11. Giao dịch chứng khoán cơ sở

Đây là tính năng ưu việt của Bảng giá MBS, giúp khách hàng thực hiện Đặt lệnh ngay trên bảng giá, qua đó tiết kiệm thời gian và tận dụng các cơ hội đầu tư. Ngoài ra, khách hàng có thể theo dõi thông tin tài khoản, tài sản và lịch sử giao dịch của tài khoản chứng khoán cơ sở tại MBS trực tiếp và thuận tiện trên bảng giá.

a. Đặt lệnh:

Quý khách có nhu cầu giao dịch chứng khoán cơ sở, dễ dàng thao tác đặt lệnh như sau:

- Nhấn chọn biểu tượng “Đặt lệnh” hoặc sử dụng phím tắt: Ctrl+B để đặt lệnh Mua và Ctrl+S để đặt lệnh Bán.

The screenshot shows the JMS website interface. At the top left is the JMS logo and a search bar. The current time is 15:09:59. On the right, there is a 'Chứng quyền' (Warrant) section with a red arrow pointing to a 'ĐẶT LỆNH' (Place Order) button. Below this, there are three charts showing market data for VN-Index, VN30, and HNX-Index. To the right of the charts is a table with columns 'KLGD' (Volume) and 'GTGD' (Value) for various indices and the total trading volume.

	KLGD	GTGD
VN-Index	197,964,032	3,646.48
HNX-Index	19,823,897	242.62
UPCOM	9,737,464	198.4
Tổng giao dịch TT	227,525,393	4,087.5

- Chọn loại lệnh Mua/Bán, chọn tài khoản và nhập các thông tin Mã Chứng khoán, Giá, Khối lượng giao dịch, mã OTP:

Lệnh thường

Mua

Bán

00

AAA

16

x1000

KL

OTP

Mua

Sức mua tài khoản: 19,999,998,533

Tỷ lệ ký quỹ: 100%

KL có thể mua: 1,247,504

KL mua gồm FAL: 0

Số dư CK: 0

FAL đã dùng: 0

Nhận mã OTP

Xóa

- Xác nhận bằng cách click vào nút  hoặc  để gửi lệnh hoặc chọn  để thao tác lại việc đặt lệnh.

b. Sổ lệnh

Sau khi tiến hành đặt lệnh, Quý Khách hàng có thể theo dõi trạng thái các lệnh đã đặt của bản thân bằng cách click chọn vào tab “Sổ lệnh” tại thanh menu chân trang Bảng giá.

+ Thêm mã CK		Hanh 1		Niêm yết		Thỏa thuận		Ngành		CP khuyến nghị		Lọc		Bảng giá															Cơ bản		PTKT			
Mã CK	Trần	Sàn	TC	Đư mua						Khớp lệnh			Đư bán						Tổng KL	Giá			NDTNN											
				Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	+/-	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3		Cao	Thấp	TB	Mua	Bán										
MBB	23.6	20.6	22.1	22	18,797	22.05	2,315	22.1	1,128	22.15	0.05	300	22.15	3,314	22.2	8,534	22.25	9,451	115,059	22.2	21.9	22.03												
ACB	25.1	20.7	22.9	22.7	10,070	22.8	16,560	22.9	3,410	23	0.1	40	23	8,020	23.1	6,290	23.2	10,300	25,598	23	22.8	22.89												
PNJ	86.7	75.5	81.1	81.1	61	81.2	1	81.3	1	81.4	0.3	80	81.4	80	81.5	1,018	81.6	13	17,832	81.5	80	80.79												

- Màn hình sổ lệnh hiện ra như sau:

Sổ lệnh

Hủy

0021601

Tất cả

Lệnh trong ngày

Lệnh

Mã

KL

Khớp

Giá

TT

- Quý khách lọc các lệnh đã đặt theo tài khoản, trạng thái lệnh và hiệu lực của lệnh

Sổ lệnh

Hủy

0021601

Tất cả

Lệnh trong ngày

Lệnh

Mã

KL

Khớp

Giá

TT

Mua

AAA

1,000

0

16.00

- Xem danh sách trạng thái lệnh Quý khách lựa chọn biểu tượng  ở chân màn hình Sổ lệnh như sau:

⌛

Chờ xử lý

⏸

Chờ khớp

⌛

Đã khớp

⌛

Khớp một phần

⌛

Chờ sửa

⌛

Chờ hủy

⏸

Từ chối sửa

⏸

Từ chối hủy

⏸

Đã sửa

⏸

Đã hủy

⏸

Từ chối

⏸

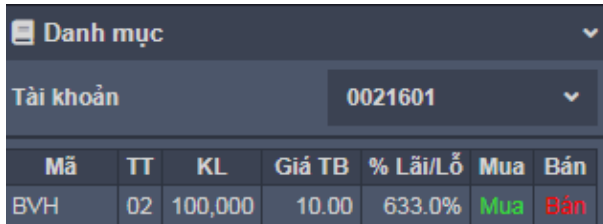
Chờ duyệt

- Sửa lệnh: Quý Khách hàng nhấn vào biểu tượng  cuối mỗi dòng lệnh để sửa lệnh.
- Hủy lệnh: Quý Khách hàng có thể tích vào ô vuông trước mỗi dòng để chọn hủy một/nhiều lệnh

sau đó click biểu tượng  tại màn hình Sở lệnh.

c. Danh mục

- Quý Khách hàng theo dõi danh mục của bản thân bằng cách nhấn vào tab “Danh mục”.
- Quý Khách hàng có thể xem danh mục theo từng tiểu khoản.



Danh mục						
Tài khoản		0021601				
Mã	TT	KL	Giá TB	% Lãi/Lỗ	Mua	Bán
BVH	02	100,000	10.00	633.0%	Mua	Bán

- Quý Khách hàng có thể đặt lệnh Mua Bán trực tiếp các mã trong Danh mục bằng cách chọn “Mua” hoặc “Bán” tại mỗi dòng thông tin mã chứng khoán.

d. Tài sản

- Quý Khách hàng xem thông tin tài sản bằng cách nhấn vào tab “Tài sản” và lựa chọn xem thông tin từng tiểu khoản chứng khoán như sau:



Tài sản						
Tài khoản		4608121				
I. THÔNG TIN TÀI KHOẢN						
Sức mua tài khoản		4.500.000				
Giá trị CK		4.500.000				
Số dư tiền		12.500.000				
Tiền bán còn được ứng		12.500.000				
Giá trị quyền chờ về		12.500.000				
Tiền được rút		12.500.000				
II. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH						
Giá trị DM tính QTRR		92.000.000				
TSR tính QTRR		92.000.000				
Nợ		9.000.000				
Tỷ lệ K		5%				
Tỷ lệ Call		12%				

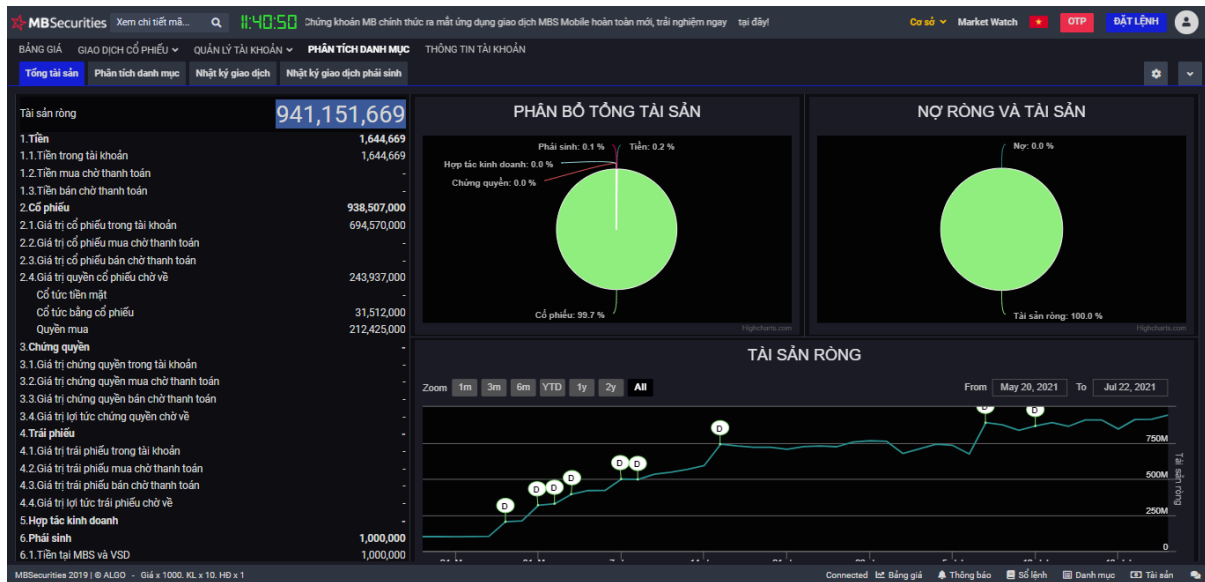
12. PHÂN TÍCH DANH MỤC

Tính năng “Phân tích danh mục” được phát triển để cung cấp cho khách hàng thống kê toàn diện về báo cáo tài sản và hiệu quả đầu tư theo các khung thời gian. Tính năng gồm bốn phần chính: Báo cáo tổng tài sản, Phân tích danh mục cổ phiếu, Nhật ký giao dịch cơ sở, Nhật ký giao dịch phái sinh.

Lưu ý: Dữ liệu hiển thị tính toán là của ngày giao dịch T-1.

a. Báo cáo tổng tài sản

Báo cáo tổng tài sản là hồ sơ toàn diện về các tài sản khách hàng đang sở hữu tại MBS ở thời điểm hiện tại, đồng thời cung cấp thay đổi về tài sản ròng cũng như hiệu quả đầu tư của khách hàng theo thời gian.



a.1. Tổng tài sản

Báo cáo thống kê tổng tài sản của khách hàng theo từng loại tài sản (tiền, cổ phiếu, chứng quyền, trái phiếu, hợp tác kinh doanh, phái sinh). Ngoài ra, chức năng còn tính toán giá trị nợ và tài sản ròng của khách hàng.

Một số công thức cần lưu ý:

1. Tiền =	+ 1.1. Tiền trong tài khoản
	+ 1.2. Tiền mua chờ thanh toán
	- 1.3. Tiền bán chờ thanh toán

2. Cổ phiếu =	+ 2.1. Giá trị cổ phiếu trong tài khoản
	+ 2.2. Giá trị cổ phiếu mua chờ thanh toán
	- 2.3. Giá trị cổ phiếu bán chờ thanh toán
	+ 2.4. Giá trị quyền cổ phiếu chờ về

2.4. Giá trị quyền cổ phiếu chờ về =	+ Cổ tức tiền mặt
	+ Cổ tức bằng cổ phiếu
	+ Quyền mua cổ phiếu

3. Chứng quyền =	+ 3.1. Giá trị chứng quyền trong tài khoản
	+ 3.2. Giá trị chứng quyền mua chờ thanh toán
	- 3.3. Giá trị chứng quyền bán chờ thanh toán
	+ 3.4. Giá trị lợi tức chứng quyền chờ về

4. Trái phiếu =	+ 4.1. Giá trị trái phiếu trong tài khoản
	+ 4.2. Giá trị trái phiếu mua chờ thanh toán
	- 4.3. Giá trị trái phiếu bán chờ thanh toán
	+ 4.4. Giá trị lợi tức trái phiếu chờ về

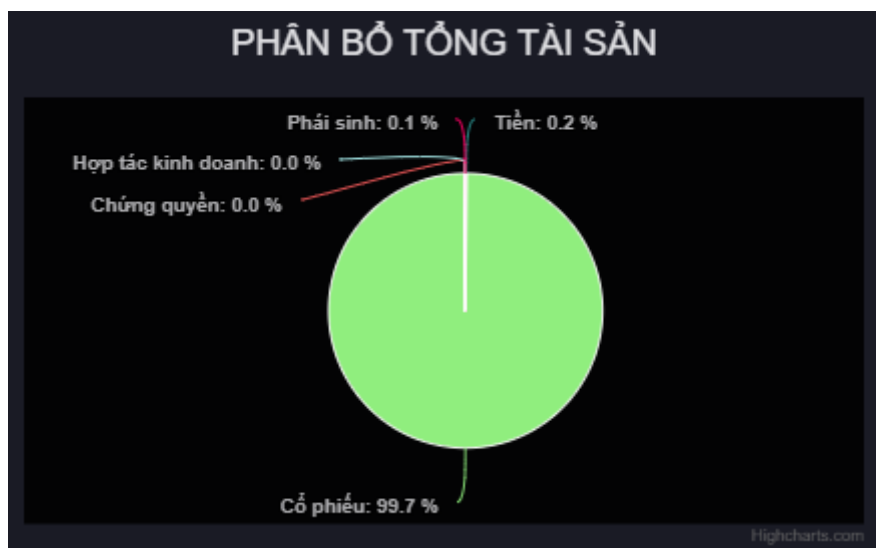
6. Phái sinh =	+ 6.1. Tiền tại MBS và VSD
	+ 6.2. Lãi/lỗ trong ngày

7. Tổng tài sản =	+ 1. Tiền
	+ 2. Cổ phiếu
	+ 3. Chứng quyền
	+ 4. Trái phiếu
	+ 5. Hợp tác kinh doanh
	+ 6. Phái sinh

Tài sản ròng =	+ 7. Tổng tài sản
	- 8. Nợ

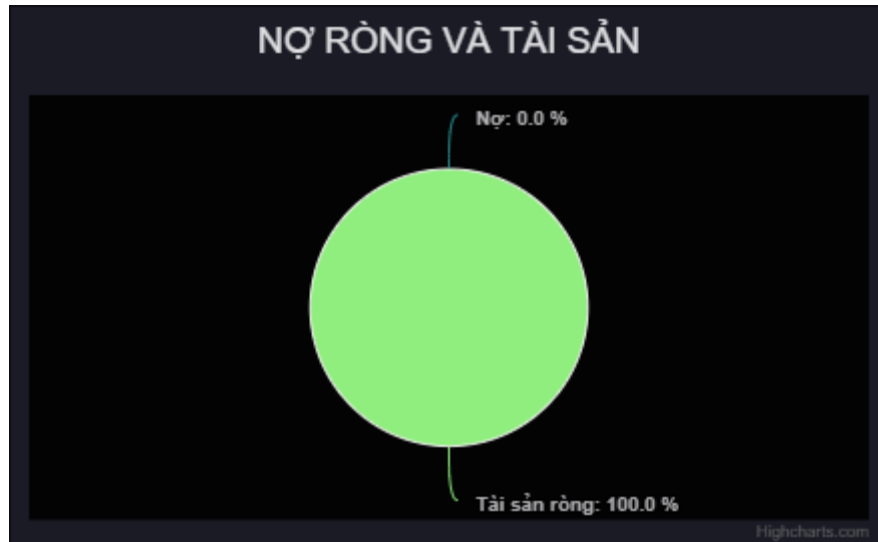
a.2. Đồ thị phân bổ tổng tài sản

Đồ thị thể hiện % giá trị tài sản trên giá trị tổng tài sản.



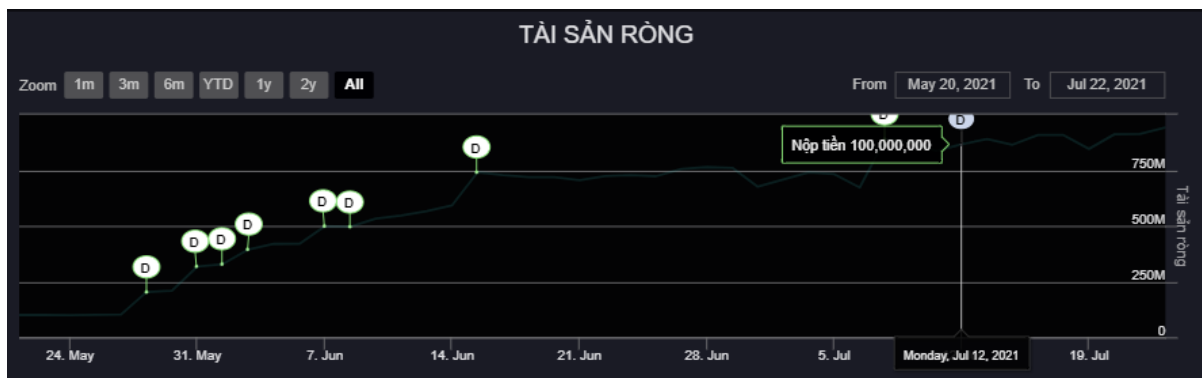
a.3. Đồ thị phân bổ nợ và tài sản ròng

Đồ thị thể hiện % giá trị tài sản ròng và nợ trên giá trị tổng tài sản. Giá trị nợ hiển thị vào ngày giải ngân (T+1)



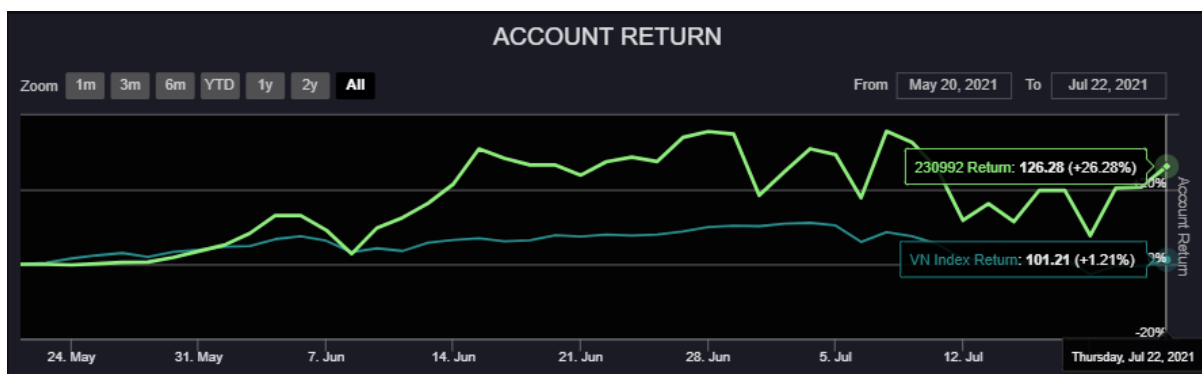
a.4. Đồ thị thay đổi tài sản ròng theo thời gian

Đồ thị có thông tin về điểm nộp/rút tiền của khách hàng.



a.5. Đồ thị hiệu quả đầu tư tổng tài sản theo thời gian

Đồ thị có chức năng so sánh hiệu quả đầu tư tổng tài sản với lợi suất VN-Index trong giai đoạn tương ứng.



Lưu ý: Công thức tính hiệu quả đầu tư và giá vốn dựa trên nguyên tắc tính tại MBS. Thông tin mang tính chất tham khảo, không mang ý nghĩa quyết định đầu tư. Quý khách có thể tự tính toán theo các phương pháp mà Quý khách mong muốn.

b. Phân tích danh mục cổ phiếu

Phân tích danh mục cổ phiếu là hồ sơ phân tích danh mục các mã cổ phiếu khách hàng đang nắm giữ ở thời điểm hiện tại, kèm theo những thay đổi về danh mục và hiệu quả đầu tư trong giai đoạn.

b.1. Lựa chọn khoảng thời gian theo dõi



Khách hàng lựa chọn một trong các nút để lựa chọn khoảng thời gian phân tích hiệu quả đầu tư danh mục cổ phiếu.

Ký hiệu	Diễn giải
1M	1 tháng
2M	2 tháng
1Y	1 năm
2Y	2 năm
QTD	Từ đầu quý tới hiện tại
YTD	Từ đầu năm tới hiện tại

b.2. Phân tích danh mục cổ phiếu

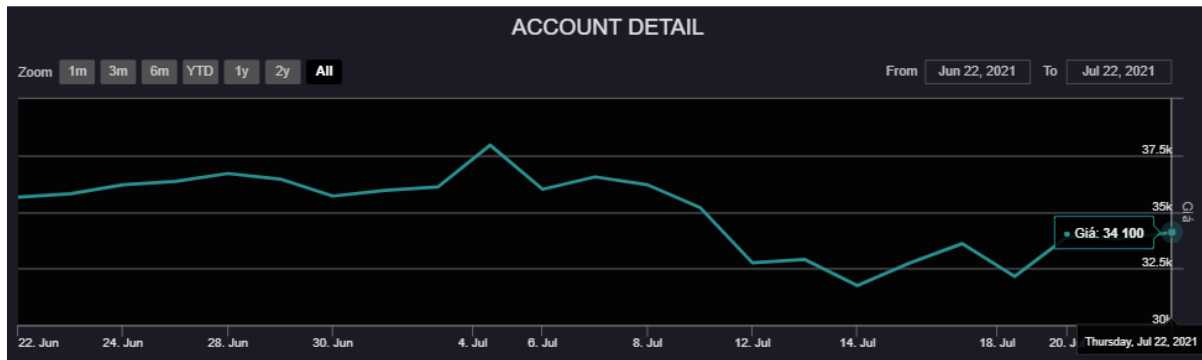
Báo cáo về danh mục cổ phiếu hiện tại khách hàng đang sở hữu. Thông tin gồm 2 loại: thông tin tài khoản và thông tin chi tiết cổ phiếu.

Phân tích danh mục													
Mã CK	Tỷ trọng	Thông tin tài khoản				Chi tiết cổ phiếu							
		Giá hiện tại	Lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	Return 1M	Return 3M	Return YTD	MBS Power-rank	P/E	Lợi tức cổ tức	Beta 30D	Chi tiết	
ACB	16%	34,100	-7,085,000	-4.51	-4.35	31.19	48.82	2.63	10.68	-	1.31	Chart	
BSI	1%	20,600	-420,000	-3.29	-3.29	47.14	54.89	5.40	10.05	-	2.22	Chart	
FTS	16%	34,000	-9,988,000	-6.03	-6.08	117.36	120.51	5.59	12.14	1.47	1.72	Chart	
TVB	0%	14,900	195,000	9.13	-1.97	14.13	60.75	5.38	11.33	6.44	0.90	Chart	
VIB	2%	41,700	-7,224,000	-7.28	-17.59	9.48	76.83	1.57	12.39	-	0.67	Chart	
VND	64%	43,200	88,890,000	17.52	2.61	96.94	127.31	4.57	16.34	2.31	2.47	Chart	
Danh mục	100%		64,368,000										
TB Index	100%	1,293.67		-6.25									

Mô tả các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Mô tả
Tỷ trọng	%	Tỷ trọng giá trị mã cổ phiếu trên tổng giá trị danh mục cổ phiếu
Lãi/lỗ	VND	Lãi/lỗ của mã cổ phiếu trong giai đoạn theo dõi
% Lãi/lỗ	%	Lãi/lỗ của mã cổ phiếu trong giai đoạn theo dõi
Return 1M	%	Thay đổi giá cổ phiếu trong vòng 1 tháng gần nhất
Return 3M	%	Thay đổi giá cổ phiếu trong vòng 3 tháng gần nhất
Return YTD	%	Thay đổi giá cổ phiếu từ đầu năm tới hiện tại
MBS Power-rank	Điểm	Điểm xếp hạng mã cổ phiếu của MBS
P/E	Lần	Tỷ lệ vốn hóa trên lợi nhuận công ty
Lợi tức cổ tức	%	Tỷ lệ cổ tức trong vòng 4 quý gần nhất trên giá hiện tại
Beta 30D	Lần	Mức biến động giá của mã cổ phiếu so với mức biến động VN-Index trong vòng 30 ngày.

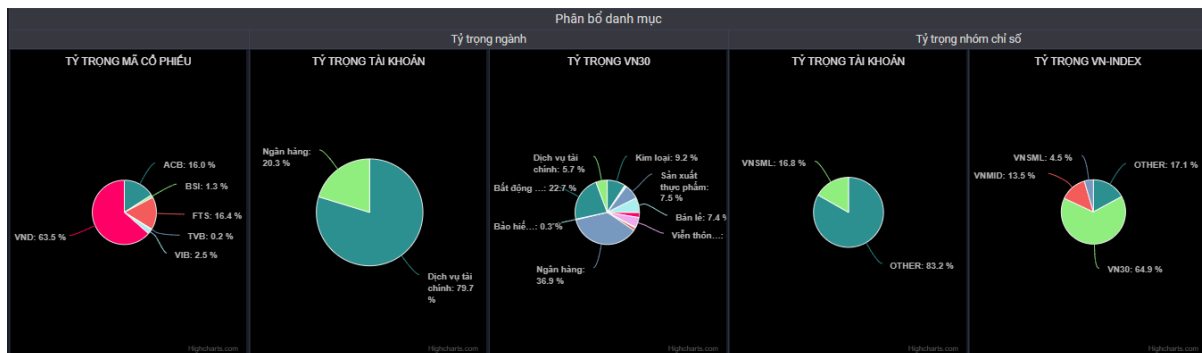
Khi nhấp chuột vào chữ “Chart” ở cột “Chi tiết”, khách hàng sẽ theo dõi được diễn biến giá của mã cổ phiếu trong khoảng thời gian theo dõi.



b.3. Đồ thị phân tích phân bổ danh mục cổ phiếu

Đồ thị thể hiện các nội dung sau:

- Phân bổ tỷ trọng các mã cổ phiếu trong danh mục cổ phiếu hiện tại của khách hàng.
- Phân bổ tỷ trọng các mã cổ phiếu theo ngành, có so sánh với tỷ trọng phân bổ theo ngành trong VN30
- Phân bổ tỷ trọng các mã cổ phiếu theo nhóm chỉ số: VN30, VNMIID, VNSML, Khác, có so sánh với tỷ trọng phân bổ theo nhóm chỉ số trong VN-Index.



b.4. Thay đổi danh mục cổ phiếu trong kỳ

Bảng thể hiện thay đổi danh mục các mã cổ phiếu có sở hữu trong giai đoạn theo dõi, đồng thời tính lãi/lỗ cho từng mã cổ phiếu.

Mã CK	Quyền chờ về	Đầu kỳ		Mua/nộp vào		Bán/rút ra		Cố tức tiền		Cuối kỳ		Lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	Chi tiết
		KL	Giá	KL	Giá	KL	Giá	KL	Giá	KL	Giá			
ACB	-	2,200	35,650	78,430,000	2,200	78,095,000	-	-	-	4,400	34,100	150,040,000	-7,085,000	-4.51
BSI	-	600	21,300	12,780,000	-	-	-	-	-	600	20,600	12,360,000	-420,000	-3.29
FTS	9,888,000	4,300	36,200	165,548,000	-	-	-	1,200,000	8,160,000	4,300	34,000	154,360,000	-9,988,000	-6.03
TVB	616,000	100	15,200	2,136,000	-	-	-	96,000	745,000	100	14,900	2,235,000	195,000	9.13
VIB	28,336,000	1,400	50,600	99,176,000	-	1,400	68,600,000	-	23,352,000	-	41,700	23,352,000	-7,224,000	-7.28
VND	135,240,000	4,900	42,100	341,530,000	4,000	165,740,000	-	-	211,680,000	8,900	43,200	596,160,000	88,890,000	17.52
Tổng				699,600,000	244,435,000	68,600,000	1,296,000					938,507,000	64,368,000	

- Cột Mua/nộp vào tính tổng khối lượng cổ phiếu được mua vào và nộp vào tài khoản (bao gồm chuyển giữa các tài khoản tại MBS sang và chuyển từ tài khoản chứng khoán ở công ty khác vào).
- Cột Bán/rút ra tính tổng khối lượng cổ phiếu được bán ra và rút ra khỏi tài khoản (bao gồm chuyển giữa các tài khoản tại MBS và chuyển từ tài khoản MBS ra tài khoản chứng khoán ở công ty khác).

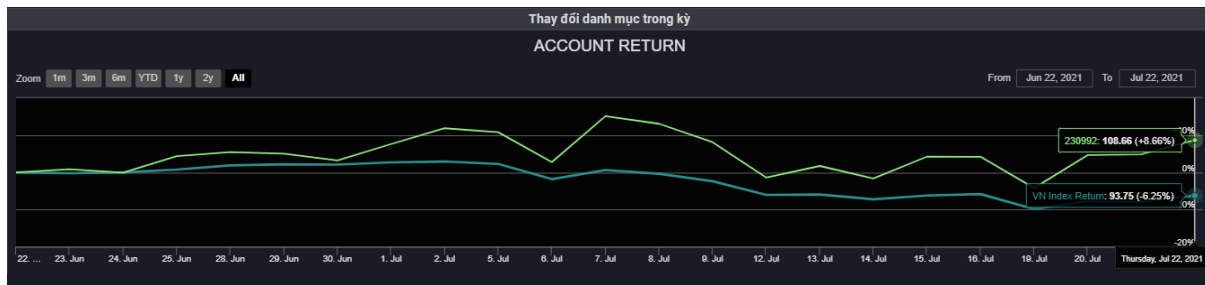
Một số công thức cần lưu ý:

- Giá trị đầu kỳ/cuối kỳ = Quyền chờ về + KL × Giá

- $Lãi/lỗ = \text{Giá trị cuối kỳ} - \text{Giá trị đầu kỳ} - \text{Giá trị mua/nộp vào} + \text{Giá trị bán/rút ra} + \text{Cổ tức tiền mặt}$
- $\%Lãi\ lỗ = \frac{Lãi/lỗ}{\text{Giá trị đầu kỳ} + \text{Giá trị mua vào}}$

b.5. Hiệu quả đầu tư danh mục cổ phiếu

Đồ thị có chức năng so sánh hiệu quả đầu tư danh mục cổ phiếu với lợi suất VN-Index trong giai đoạn tương ứng.



Lưu ý:

- Công thức tính hiệu quả đầu tư và giá vốn dựa trên nguyên tắc tính tại MBS. Thông tin mang tính chất tham khảo, không mang ý nghĩa quyết định đầu tư. Quý khách có thể tự tính toán theo các phương pháp mà Quý khách mong muốn.
- Chiều hướng tăng/giảm hiệu quả đầu tư danh mục cổ phiếu có thể khác tổng danh mục trong trường hợp khách hàng mua cổ phiếu bằng margin, do giá trị cổ phiếu đã được tính vào tổng tài sản nhưng MBS chưa tính phần vay nợ của khách hàng khi cổ phiếu chưa về.

c. Nhật ký giao dịch cơ sở và phái sinh

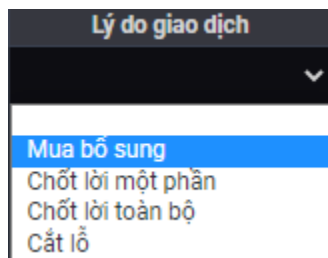
Ngày ký giao dịch cơ sở và phái sinh thống kê giao dịch của khách hàng theo thời gian. Với mỗi lệnh mua/bán, khách hàng có thể nhập vào lý do thực hiện giao dịch. Khách hàng cũng có thể theo dõi thời điểm đặt lệnh mua/bán theo diễn biến giá cổ phiếu hoặc hợp đồng phái sinh trên đồ thị

Ngày	Giao dịch	Mã	KLGD	Giá giao dịch	Lý do giao dịch	Lý do giao dịch khác	Lãi/lỗ	Chart	Chỉnh sửa
14/07/2021	Mua	ACB	200	32,950	Bắt đáy		-3.64%		
14/07/2021	Mua	VND	2,300	40,200	Mua bổ sung	Bắt đáy	-3.23%		
07/07/2021	Mua	ACB	300	36,350	...		0.55%		
07/07/2021	Mua	VND	300	43,600	...		2.06%		
07/07/2021	Mua	ACB	1,700	36,000	...		1.53%		
07/07/2021	Mua	VND	1,400	43,000	...		3.49%		
28/06/2021	Bán	VIB	400	49,000	Chốt lời toàn bộ	...	-1.90%		
25/06/2021	Bán	VIB	1,000	49,000	Chốt lời toàn bộ	...	-0.20%		
16/06/2021	Mua	CFPT2016	100	9,300	...		0.00%		

c.1. Thao tác nhập ghi chú vào nhật ký

B1: Nhấp chuột vào ký hiệu  ở cột “Chỉnh sửa”

B2: Lựa chọn lý do giao dịch theo danh sách xổ xuống



B3: Trường hợp muốn nhập lý do riêng, khách hàng nhập vào cột “Lý do giao dịch khác”

Ngày	Giao dịch	Mã	KLGD	Giá giao dịch	Lý do giao dịch	Lý do giao dịch khác	Lãi/lỗ	Chart	Chỉnh sửa
14/07/2021	Mua	ACB	200	32,950	▼	Bắt đáy	-3.64%	📊	✎
14/07/2021	Mua	VND	2,300	40,200	Mua bổ sung	▼	Bắt đáy	-3.23%	📊

B4: Nhấp chuột vào nút

LƯU THÔNG TIN

c.2. Lãi/lỗ

Giá trị hiển thị ở cột “Lãi/lỗ” thể hiện % Lãi/lỗ của lệnh mua/bán so với giá đóng cửa của mã cổ phiếu/hợp đồng phái sinh tại ngày thực hiện mua/bán:

- Nếu giao dịch là “Mua”, % Lãi/lỗ = $\left(\frac{\text{Giá đóng cửa}}{\text{Giá giao dịch}} - 1\right) \times 100$
- Nếu giao dịch là “Bán”, % Lãi/lỗ = $\left(\frac{\text{Giá giao dịch}}{\text{Giá đóng cửa}} - 1\right) \times 100$

c.3. Đồ thị giá kết hợp điểm đặt lệnh

Khách hàng nhấp chuột vào ký hiệu  ở cột “Chart” để theo dõi.

Đồ thị có thông tin về điểm mua/bán trên đường giá.

3

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Nhân viên chăm sóc tài khoản để được tư vấn và hỗ trợ các thông tin về sản phẩm.

Trong quá trình sử dụng hệ thống Plus24, Quý khách có bất kỳ câu hỏi hay vấn đề cần giải đáp, xin liên hệ với Trung tâm Chăm sóc khách hàng của MBS theo thông tin sau:

- Email: cskh@mbs.com.vn
- Tổng đài: **1900 9088**
- Hotline: **024 3755 6688**

=====

Khuyến cáo:

Những thông tin, dữ liệu, phương pháp tính toán được sử dụng và cung cấp trên cổng thông tin này được thu thập từ nguồn đáng tin cậy, theo tiêu chuẩn phổ biến trên thị trường và chỉ mang tính chất tham khảo - MBS không cam kết và không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cũng như kết quả tính toán số liệu và hiệu quả đầu tư của Quý khách hàng.

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), không một cá nhân hay tổ chức nào được phép sao chép, cung cấp cho bên thứ ba khi chưa được phép của MBS.